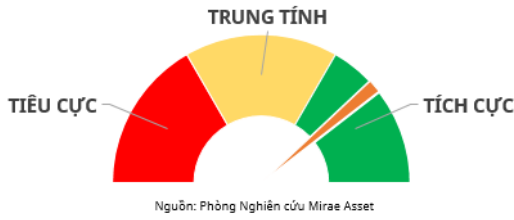


03 Tháng 08, 2022

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



# Bản tin cuối ngày

## Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeeasset.com.vn](mailto:cs@miraeeasset.com.vn)

### Nhận định thị trường

#### Liên tiếp tăng điểm, VN-Index đóng cửa cao nhất 1 tháng

Tâm lý lo sợ trước các tin tức tiêu cực từ thế giới làm cho VN-Index mở cửa giảm sâu gần 9 điểm, thế nhưng lực cầu mạnh đã nhanh chóng giúp chỉ số này thu hẹp đà giảm và quay đầu tăng điểm trở lại. VN-Index đóng phiên ở mức cao nhất trong tháng, với mức tăng hơn 8 điểm tương ứng tăng 0,66% và dừng chân tại mốc 1,249 điểm. Khối lượng khớp lệnh giảm gần 4% khi chỉ đạt hơn 706 triệu đơn vị, tương ứng với giá trị hơn 15,265 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu Thép có phiên giao dịch bùng nổ khi NKG và HSG cùng đóng cửa ở mức kịch trần. Bên cạnh Thép, nhóm cổ phiếu Nông nghiệp cũng ghi nhận mức tăng ở nhiều mã như HNG (+7%), ASM (+3,5%) và BAF (+3,6%), cũng như nhóm Thủy sản cũng theo nhịp tăng điểm với IDI (+5,7%) và ACL (+3,7%).

Khối ngoại tiếp tục vị thế mua ròng với tổng giá trị đạt gần 653 tỷ trên HNX và HSX, trong đó HPG mua ròng mạnh nhất với 174 tỷ và VCB với 108 tỷ. Còn ở chiều ngược lại, MSN và KBC bán ròng nhẹ với 33,7 tỷ và 22,4 tỷ.

Mặc dù đà tăng tiếp tục được duy trì, nhưng thanh khoản vẫn chưa đủ vượt trội để thay đổi các đánh giá kỹ thuật trong ngắn hạn của chúng tôi và điểm số kỹ thuật tiếp tục giữ ở mức đánh giá KHẢ QUAN với mức điểm +5. Hệ số P/E của VN-Index đang ở mức 13,4x.

**Trương Hoàng Tiến Hưng**, Analyst, 84-8-39102222, [hung.tht@miraeeasset.com.vn](mailto:hung.tht@miraeeasset.com.vn)

#### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	6	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	-5	TIÊU CỰC
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	4	KHẢ QUAN
Dow Jones	4	KHẢ QUAN

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

#### Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,249.76	0.7	4.2	-6.2
HNX	298.11	0.8	6.9	-6.6
UPCOM	90.32	0.2	2.4	3.1
MSCI EM	984.32	-1.1	-0.9	-23.9
NIKKEI	27,741.90	0.5	7.0	0.4
HANG SENG	19,767.09	0.4	-9.6	-24.5
KOSPI	2,461.45	0.9	6.8	-24.0
FTSE	7,409.28	0.0	3.4	4.3
S&P 500	4,091.19	-0.7	6.9	-7.5
NASDAQ	12,348.76	-0.2	11.0	-16.3

#### Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	13.4	2.1	15.6
Indonesia	15.5	2.1	13.2
Philippines	18.3	1.6	9.0
Malaysia	16.2	1.5	9.1
Thailand	17.0	1.6	9.2

#### Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.0	0	0	0
5 năm	3.0	0	64	208
10 năm	3.5	1	25	145

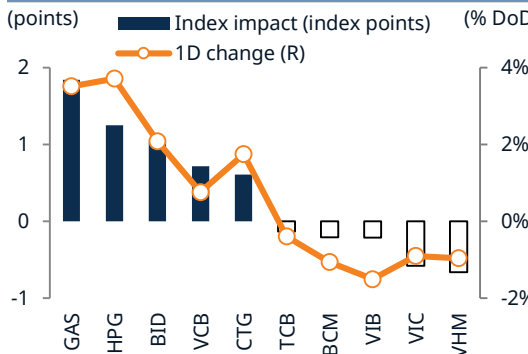
#### Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,372	-0.1	-0.3	-1.9
US\$/KRW	1,310.5	-0.4	-1.0	-12.4
US\$/JPY	133.4	-0.2	1.7	-18.2
US\$/EUR	1.0	-0.2	2.3	16.5
US\$/GBP	0.8	-0.1	-0.7	14.2
US\$/SGD	1.4	0.1	1.0	-2.2

#### Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	645	456	902
HNX	84	51	117
UPCOM	35	29	70

#### Các cổ phiếu tác động VN-Index



Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

## Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

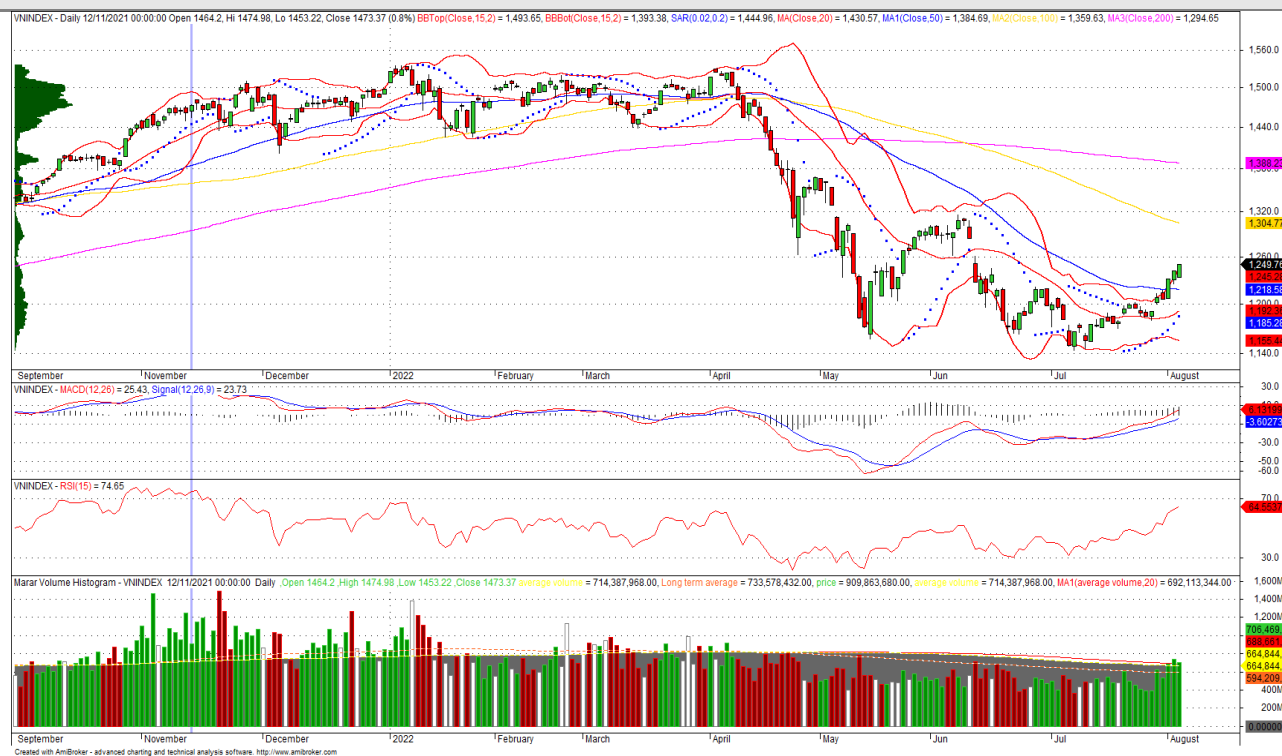
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	6	KHẢ QUAN

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIỂU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (03/08/2022)	1.249	Kháng cự 1 <b>1.260</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2 <b>1.300</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 <b>1.200</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 <b>1.170</b>

Đóng cửa ở mức cao nhất trong 1 tháng, khối lượng tiếp tục duy trì ở mức trung bình, xu hướng tăng ngắn hạn tiếp tục được duy trì.

### Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

## CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (03/08/2022)	1.250	Kháng cự 1	<b>1.220</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>KHẢ QUAN</b>	Kháng cự 2	<b>1.260</b>
VN30 - đóng cửa	1.269	Hỗ trợ 1	<b>1.200</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>-19.8</b>	Hỗ trợ 2	<b>1.180</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	<b>7</b>	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	<b>4</b>	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M (chart ngày)	<b>5</b>	<b>KHẢ QUAN</b>

VN30F1M sắp kiểm định ngưỡng kháng cự mạnh tại 1,260 điểm

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
SAB	Sản xuất bia	189,900	125,285	99	7	Top sức mạnh ngành
PHR	Nhựa, cao su & sợi	69,800	528,245	76	5	
MBS	Chứng khoán	23,900	1,539,475	93	5	Top sức mạnh ngành
IJC	Bất động sản	20,750	1,237,525	84	5	
VCI	Chứng khoán	44,000	4,642,100	100	5	Top sức mạnh ngành
SHS	Chứng khoán	14,300	12,303,45	97	5	Top sức mạnh ngành
FTS	Chứng khoán	34,650	1,033,820	90	5	Top sức mạnh ngành

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

## ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
HAG	12.3	21,601,330	7	KHẢ QUAN	11,407	16.1	2.6	266
REE	81.2	953,975	6	KHẢ QUAN	28,859	12.3	2.0	77
VPI	65.7	1,085,365	6	KHẢ QUAN	14,454	24.3	4.4	71
PNJ	116	532,725	6	KHẢ QUAN	28,115	21.9	3.4	62
NT2	26.6	1,316,910	6	KHẢ QUAN	7,658	8.5	1.7	35
HPG	23.75	23,516,640	5	KHẢ QUAN	138,101	5.0	1.4	559
SSI	23.55	20,493,370	5	KHẢ QUAN	35,093	8.7	1.6	483
VND	21.15	22,467,840	5	KHẢ QUAN	25,757	6.1	1.8	475
DXG	27	9,713,125	5	KHẢ QUAN	16,403	22.1	1.8	262
VCI	44	4,642,100	5	KHẢ QUAN	14,740	9.7	2.1	204
MBB	26.9	7,266,095	5	KHẢ QUAN	101,637	6.5	1.5	195
NKG	20.7	9,153,575	5	KHẢ QUAN	5,450	2.9	0.9	189
SHS	14.3	12,303,455	5	KHẢ QUAN	6,621	9.4	1.3	176
PVS	24.3	6,047,025	5	KHẢ QUAN	11,615	21.8	1.0	147
HSG	19.55	7,278,995	5	KHẢ QUAN	9,743	4.6	0.8	142
NVL	76.2	1,663,055	5	KHẢ QUAN	148,577	46.1	4.0	127
DCM	32.4	3,822,785	5	KHẢ QUAN	17,153	4.6	1.7	124
LPB	16	7,365,515	5	KHẢ QUAN	24,057	5.0	1.0	118
CII	21.1	4,918,700	5	KHẢ QUAN	5,322	16.8	1.0	104
HAH	69.7	1,209,090	5	KHẢ QUAN	4,760	7.6	2.5	84
VCB	79.5	988,255	5	KHẢ QUAN	376,235	#N/A N/A	#N/A N/A	79
VIX	11.95	6,567,790	5	KHẢ QUAN	6,563	5.8	1.1	78
HDC	48.3	1,569,865	5	KHẢ QUAN	5,221	15.2	3.3	76
BID	39.3	1,880,475	5	KHẢ QUAN	198,800	15.3	2.2	74
NLG	41.35	1,762,940	5	KHẢ QUAN	15,835	20.2	1.8	73
GAS	112	646,460	5	KHẢ QUAN	214,362	16.7	3.6	72
BCG	16.15	4,331,720	5	KHẢ QUAN	8,128	8.5	1.1	70

ITA	8.22	7,862,270	5	KHẢ QUAN	7,713	24.1	0.7	65
SCR	12.15	5,017,030	5	KHẢ QUAN	4,451	33.9	0.9	61
LCG	12.7	4,519,925	5	KHẢ QUAN	2,190	11.7	0.9	57
GMD	52.8	1,073,385	5	KHẢ QUAN	15,913	19.5	2.3	57
TNG	28.2	1,875,925	5	KHẢ QUAN	2,823	9.7	1.9	53
PC1	39.5	1,314,645	5	KHẢ QUAN	9,289	19.0	1.9	52
VRE	29.05	1,618,480	5	KHẢ QUAN	66,011	50.9	2.1	47
ASM	16.25	2,866,010	5	KHẢ QUAN	5,469	6.5	1.0	47
DPG	46.4	920,035	5	KHẢ QUAN	2,923	7.9	1.9	43
LDG	10.6	3,618,700	5	KHẢ QUAN	2,538	17.8	0.8	38
PHR	69.8	528,245	5	KHẢ QUAN	9,458	14.3	2.9	37
MBS	23.9	1,539,475	5	KHẢ QUAN	6,395	9.5	1.7	37
FTS	34.65	1,033,820	5	KHẢ QUAN	6,647	8.6	2.0	36
PVT	20.6	1,702,910	5	KHẢ QUAN	6,667	10.3	1.2	35
KDH	38.95	854,170	5	KHẢ QUAN	27,921	22.2	2.6	33
HHV	15.2	2,108,000	5	KHẢ QUAN	4,064	13.8	0.6	32
SBT	19	1,652,555	5	KHẢ QUAN	11,954	13.8	1.4	31
GEG	22.35	1,312,210	5	KHẢ QUAN	7,195	23.0	2.0	29
BSR	24.8	10,221,770	4	KHẢ QUAN	76,582	11.7	2.0	253
CEO	33.3	6,258,650	4	KHẢ QUAN	8,569	34.3	2.8	208
POW	13.7	10,452,435	4	KHẢ QUAN	32,084	20.3	1.1	143
VHM	61.9	2,198,490	4	KHẢ QUAN	269,535	9.6	2.2	136
HBC	21.3	5,674,885	4	KHẢ QUAN	5,232	52.3	1.4	121
VCG	23.4	3,879,295	4	KHẢ QUAN	11,370	10.3	1.5	91
PVD	17.8	4,844,535	4	KHẢ QUAN	8,995	#N/A N/A	0.7	86
KDC	69	1,218,615	4	KHẢ QUAN	17,362	30.9	2.6	84
MSN	110	662,685	4	KHẢ QUAN	156,610	15.3	5.4	73
PDR	53.8	1,311,525	4	KHẢ QUAN	36,135	17.3	4.7	71
VGC	61.1	1,075,835	4	KHẢ QUAN	27,394	14.1	3.6	66
ACB	24.95	2,585,810	4	KHẢ QUAN	84,267	7.2	1.6	65
VJC	127	474,945	4	KHẢ QUAN	68,785	182.7	3.9	60
IDI	20.4	2,487,385	4	KHẢ QUAN	4,644	9.0	1.4	51
HQC	5.27	9,316,430	4	KHẢ QUAN	2,512	309.4	0.6	49
FCN	16.15	2,907,110	4	KHẢ QUAN	2,543	82.8	1.0	47
HDB	24.85	1,428,030	4	KHẢ QUAN	50,003	7.2	1.5	35
PAN	24	1,397,725	4	KHẢ QUAN	5,013	12.9	1.2	34
FLC	5.96	5,319,465	4	KHẢ QUAN	4,232	#N/A N/A	0.5	32
DGW	60.9	516,460	4	KHẢ QUAN	9,931	13.5	4.6	31
TCM	45	627,760	4	KHẢ QUAN	3,688	29.1	2.0	28
STB	25.45	15,590,575	3	TRUNG TÍNH	47,979	13.4	1.3	397
SHB	15.25	12,204,095	3	TRUNG TÍNH	40,670	5.6	1.0	186
IDC	63.6	2,349,675	3	TRUNG TÍNH	20,988	32.0	5.1	149
CTG	29.1	4,338,060	3	TRUNG TÍNH	139,847	9.5	1.4	126
HDG	53	1,402,915	3	TRUNG TÍNH	12,964	9.3	2.6	74
AAA	12.75	4,772,270	3	TRUNG TÍNH	4,874	13.8	0.9	61
CTD	62.4	865,370	3	TRUNG TÍNH	4,609	#N/A N/A	0.6	54
KSB	28.55	1,412,295	3	TRUNG TÍNH	2,178	11.2	1.2	40
DIG	39.5	9,339,355	2	TRUNG TÍNH	24,090	22.4	3.2	369

<b>VPB</b>	29	9,619,685	<b>2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	128,919	7.7	1.4	279
<b>HCM</b>	26.8	7,505,675	<b>2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	12,253	10.6	1.6	201
<b>TCB</b>	38.15	4,242,635	<b>2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	133,941	6.6	1.3	162
<b>DPM</b>	48.35	2,896,300	<b>2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	18,921	3.7	1.6	140
<b>FPT</b>	84.8	1,465,960	<b>2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	93,028	18.8	4.8	124
<b>VNM</b>	73.4	1,682,825	<b>2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	153,403	18.1	4.5	124
<b>HUT</b>	30.1	3,824,775	<b>2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	10,494	39.9	2.7	115
<b>VIC</b>	66	1,251,905	<b>2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	251,720	#N/A N/A	2.4	83
<b>BVH</b>	58.4	1,221,205	<b>2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	43,352	24.5	2.0	71
<b>ANV</b>	46	1,139,240	<b>2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	5,848	12.0	2.1	52
<b>TCH</b>	12.3	4,244,750	<b>2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	8,219	17.7	0.9	52
<b>GVR</b>	24.7	1,704,610	<b>2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	98,800	21.0	2.0	42
<b>GEX</b>	23.85	8,603,800	<b>1</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	20,308	28.1	1.6	205
<b>KBC</b>	38.6	5,421,290	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	29,630	11.8	1.7	209
<b>MWG</b>	61.8	2,951,025	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	90,457	18.4	4.0	182
<b>FRT</b>	72.5	1,331,790	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	8,589	14.5	4.7	97
<b>VHC</b>	82.6	906,305	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	15,147	7.4	2.1	75
<b>TPB</b>	28	1,746,010	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	44,289	8.0	1.5	49
<b>SZC</b>	53	857,215	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	5,300	19.2	3.8	45
<b>VOS</b>	17.95	1,683,810	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	2,513	4.3	1.9	30
<b>MIG</b>	24.05	1,201,465	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	3,955	20.3	1.9	29
<b>HNG</b>	6.94	14,549,165	<b>-1</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	7,693	#N/A N/A	2.7	101
<b>VIB</b>	26.2	2,096,965	<b>-2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	55,221	7.7	2.0	55
<b>DGC</b>	89	2,280,220	<b>-4</b>	<b>TIÊU CỰC</b>	33,040	7.2	3.6	203
<b>DBC</b>	25.5	5,756,685	<b>-4</b>	<b>TIÊU CỰC</b>	6,171	22.6	1.3	147

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Trung Quốc dừng nhập khẩu hoa quả từ Đài Loan, cấm xuất khẩu cát

Trung Quốc cho dừng một số hoạt động thương mại đối với Đài Loan sau khi Chủ tịch Hạ viện Mỹ Nancy Pelosi đáp chuyến bay tới hòn đảo này trong tối 2/8. Sáng 3/8, Tổng cục Hải quan Trung Quốc thông báo tạm dừng nhập khẩu một số sản phẩm hoa quả từ Đài Loan do nhiều lần phát hiện tồn dư chất bảo vệ thực vật. Bên cạnh đó, các mặt hàng hải sản đông lạnh cũng sẽ bị dừng thông quan sau khi virus Covid-19 được phát hiện trên một số kiện hàng. Ở một diễn biến khác, Bộ Thương Mại Trung Quốc cũng đã cho dừng xuất khẩu cát tự nhiên tới Đài Loan nhưng không nêu rõ lý do cụ thể. Các sản phẩm nông nghiệp thường được Trung Quốc sử dụng làm “vũ khí” gây áp lực đối với Đài Loan trên một số vấn đề chính trị. Năm 2021, Trung Quốc cũng đã bất ngờ cấm nhập khẩu dưa, mận và na từ Đài Loan. Xuất khẩu hoa quả tới Trung Quốc chiếm phần lớn kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của Đài Loan. Các lệnh cấm mới này được đưa ra chỉ một ngày sau khi nhiều cơ quan thông tấn đưa tin Trung Quốc tạm dừng nhập khẩu thực phẩm từ hơn 100 nhà cung cấp Đài Loan.

### TLG: lãi kỷ lục trong quý II

Trong báo cáo kết quả kinh doanh quý II, CTCP Tập đoàn Thiên Long ([HoSE: TLG](#)) ghi nhận doanh thu kỷ lục 1.092 tỷ đồng, tăng 44,4% so với cùng kỳ, chủ yếu đến từ mức tăng 334 tỷ đồng từ việc bán hàng hóa thành phẩm. Trong thành phần doanh thu, doanh thu nội địa chiếm hơn 78,6% kỳ này, đạt gần 860 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp của mảng kinh doanh nội địa đạt 48%, so với 30% của mảng kinh doanh xuất khẩu. Giá vốn hàng bán tăng 42,2%, ghi nhận ở mức hơn 601 tỷ đồng. Kết quả, biên lợi nhuận gộp công ty đã tăng lên từ 43% lên 44,5%. Chi phí bán hàng trong kỳ cũng đã tăng 30,7% lên 180,6 tỷ đồng. Như vậy, quý này, hãng văn phòng phẩm ghi nhận 185,5 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng hơn gấp đôi và đạt kỷ lục kể từ khi lên sàn. Theo giải trình, tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát. Đồng thời, công ty tiếp tục tái cấu trúc các kênh bán hàng, gia tăng hiệu quả bán hàng, và dự trữ được nguyên vật liệu giá thấp dẫn đến giá thành sản xuất được tối ưu. Đây là các nguyên nhân chính làm cho kết quả kinh doanh tốt hơn so với cùng kỳ. Tập đoàn Thiên Long cho biết thêm, công ty đang có định hướng đẩy mạnh xuất khẩu và tập trung mở rộng nhà phân phối ở thị trường Đông Nam Á, Trung Đông và Âu Mỹ. Lũy kế 6 tháng đầu năm, công ty đạt doanh thu 1.889 tỷ đồng, tăng 31,05% so với giai đoạn trước. Chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lần lượt tăng 29,4%, 22,9% và 1,8%. Kết quả, lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn Thiên Long tăng 70,5% so với giai đoạn trước. Với mức tăng lợi nhuận này, EPS của công ty đã tăng từ 2.036 đồng lên 3.473 đồng. Như vậy, hãng văn phòng phẩm đã vượt kế hoạch lợi nhuận sau 6 tháng, và đạt hơn 58% kế hoạch doanh thu năm.

### BWE: Lợi nhuận sau thuế tăng 24,4% trong quý II

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý II, CTCP Nước – Môi trường Bình Dương ([HoSE: BWE](#)) ghi nhận doanh thu thuần đạt 847 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ. Giá vốn hàng bán không thay đổi quá lớn, ở mức 460 tỷ đồng khiến biên lợi nhuận

gộp của công ty tăng lên 45,6% từ mức 41,1%. Doanh thu tài chính của công ty ghi nhận ở mức 34,1 tỷ đồng, tăng 58,6% so với thời điểm quý II năm ngoái. Chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lần lượt là 81% và 49,7%, ghi nhận 86,7 tỷ đồng và 47,9 tỷ đồng, tuy nhiên chi phí bán hàng không thay đổi so với cùng kỳ. Kết quả, công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế 210,8 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng là 24,4%. Lũy kế 6 tháng đầu năm, Biwase hạch toán 1.580 tỷ đồng doanh thu, tăng gần 9% từ mức 1.450 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế công ty tăng 11,4% và đạt 387,1 tỷ đồng. Năm 2022, công ty đặt kế hoạch tổng doanh thu khoảng 3.850 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tối thiểu 750 tỷ đồng. Công ty đã đạt hơn 41% kế hoạch doanh thu và 51,6% kế hoạch lợi nhuận. Trên bảng cân đối kế toán, tổng tài sản của Biwase đạt gần 9.093 tỷ đồng, đi ngang so với đầu năm. Tài sản cố định chiếm 76% trong cơ cấu tài sản. Trong khi đó, tài sản dở dang dài hạn, các khoản phải thu dài hạn và đầu tư tài chính dài hạn lần lượt chiếm 10,6%, 10,5% và 14,4%. Khoản mục đầu tư tài chính dài hạn tăng gần 34% lên 1.312 tỷ đồng do công ty đã nâng sở hữu CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ (từ 0 lên 24,65%), CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ 2 (từ 0 lên 48,86%) và CTCP Đầu tư – Xây dựng Chánh Phú Hòa (từ 43,16% lên 43,44%). HĐQT của 2 công ty nước Cần Thơ có sự tham gia của ông Nguyễn Văn Thiên (Chủ tịch Biwase), ông Trần Chiến Công (Tổng giám đốc Biwase) và ông Mai Song Hào (Phó Tổng giám đốc Biwase).

#### **MSH: báo lãi quý II giảm 31%**

Dệt may Sông Hồng ([HoSE: MSH](#)) vừa công bố báo cáo tài chính quý II với doanh thu thuần 1.486 tỷ đồng, tăng 23,1% so với đầu năm. Giá vốn hàng bán tăng 30,8% lên 1.266 tỷ đồng khiến biên lãi gộp giảm từ 19,8% còn 14,8%. Doanh thu tài chính đạt 32 tỷ đồng, gấp 2,5 lần cùng kỳ nhờ lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá tăng. Chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lần lượt tăng 153,8%; 15,9% và 43,5%. Kết quả, May Sông Hồng thu về 85,3 tỷ đồng lãi sau thuế, giảm 31,3% so quý II/2021. Theo đơn vị này lý giải, lợi nhuận quý này giảm do đã đưa nhà máy May Sông Hồng Nghĩa Hưng vào sản xuất giúp doanh thu tăng trưởng nhưng chi phí đầu vào tăng mạnh hơn. Nhà máy nay nằm tại xã Nghĩa Phong, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, có diện tích gần 75.000 m<sup>2</sup>, mặt sàn 56.000 m<sup>2</sup>, tổng vốn đầu tư hơn 600 tỷ đồng. Dự án được khởi công xây dựng vào tháng 3/2021, có quy mô trên 40 chuyền may xuất khẩu, dệt kim, dệt thoi bao gồm các sản phẩm: váy, áo, jacket... Lũy kế 6 tháng đầu năm, May Sông Hồng ghi nhận doanh thu 2.736 tỷ đồng, tăng 27,1% so với nửa đầu năm 2021. Trong đó, doanh thu bán hàng hóa tăng 38,2% lên 2.362 tỷ đồng; doanh thu dịch vụ gia công lại giảm 15,5% còn 2.736 tỷ đồng. Theo đó, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 187,5 tỷ đồng, giảm 13,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong kỳ, đơn vị cũng ghi nhận lãi ròng từ chênh lệch tỷ giá là 20 tỷ đồng.

#### **DIG: hoàn thành gần 10% chỉ tiêu lợi nhuận sau nửa năm**

Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC Corp, [HoSE: DIG](#)) vừa công bố kết quả kinh doanh quý II với doanh thu thuần 575,3 tỷ đồng, giảm 6,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu kinh doanh bất động sản là 380,6 tỷ đồng, giảm 17,7%; doanh thu bán thành phẩm đạt 95 tỷ đồng, tăng 10%; doanh thu xây lắp đạt 64,3 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ 2021. Giá vốn hàng bán giảm 16,8% giúp biên lãi gộp được cải thiện từ 35% lên 42%. Doanh thu tài chính gấp 5,5 lần cùng kỳ đạt 25,8 tỷ đồng



nhờ lãi tiền gửi ngân hàng tăng. Tuy nhiên chi phí tài chính là 125,7 tỷ đồng, gấp 6,6 lần cùng kỳ cho chi phí trả lãi vay gấp 6,5 lên 122,7 tỷ đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng 10,3% trong khi chi phí bán hàng giảm 73%. Kết quả, đơn vị này ghi nhận lãi sau thuế là 81 tỷ đồng, tăng 52,2% so với quý II/2021. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 79,4 tỷ đồng, tăng 50,1%.

#### **HNG: lỗ ròng gần 400 tỷ đồng chênh lệch tỷ giá nửa đầu năm**

Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HAGL Agrico, [HoSE: HNG](#)) vừa công bố báo cáo tài chính quý I với doanh thu thuần 148 tỷ đồng, giảm 41,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán trái cây giảm 41% còn 117,2 tỷ đồng; doanh thu bán mủ cao su là 25,2 tỷ đồng giảm 16%. Giá vốn hàng bán tăng 21% lên 283,8 tỷ đồng khiến công ty lỗ gộp 136 tỷ đồng. Doanh thu tài chính đơn vị này giảm 98,6% còn 890 triệu đồng do lãi chênh lệch tỷ giá giảm mạnh cũng như không ghi nhận thu nhập từ chuyển nhượng các khoản đầu tư. Chi phí tài chính là 376,7 tỷ đồng, gấp 2,7 lần cùng kỳ, chủ yếu đến từ chi phí chênh lệch tỷ giá gần 330 tỷ đồng. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lần lượt giảm 92,4% và 59,1%. Kết quả, HAGL Agrico đã ghi nhận khoản lỗ sau thuế 557,3 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lỗ 129 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ cũng là âm 557,3 tỷ đồng. Đây là quý thứ 6 liên tiếp đơn vị ghi nhận lỗ.

#### **HDG: báo lãi quý II gấp 5 lần cùng kỳ**

Tập đoàn Hà Đô (Hà Đô Group – [HoSE:HDG](#)) đã công bố báo cáo tài chính quý II với doanh thu thuần đạt hơn 1.007 tỷ đồng, gấp hơn 2 lần cùng kỳ. Giá vốn cũng tăng mạnh nhưng tốc độ chậm hơn doanh thu giúp biên lãi gộp được cải thiện lên gần 66% tương ứng lợi nhuận gộp đạt 664 tỷ đồng, gấp 2,3 lần cùng kỳ. Sau khi trừ chi phí, Hà Đô lãi ròng 418 tỷ đồng, gấp 5 lần so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 6 tháng đầu năm, Hà Đô ghi nhận gần 1.692 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 7% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế thu về gần 714 tỷ đồng, tăng 48% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2022, Hà Đô đặt mục tiêu doanh thu đạt 3.703 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 1.344 tỷ đồng. Với kết quả đạt được, công ty đã thực hiện được gần 46% kế hoạch doanh thu và 53% kế hoạch lợi nhuận sau nửa năm. Theo giải trình từ phía công ty, mảng năng lượng đóng góp chủ yếu cho kết quả kinh doanh tăng trưởng. Cụ thể, trong cơ cấu doanh thu, mảng thủy điện, điện mặt trời và điện gió đóng góp lớn nhất với hơn 954 tỷ đồng, tăng 89% so với cùng kỳ. Ngược lại, doanh thu kinh doanh bất động sản giảm gần 39% về hơn 591 tỷ đồng. Về hoạt động tài chính, doanh thu trong kỳ tăng gần gấp 5 lần cùng kỳ, đạt 56 tỷ đồng chủ yếu do lãi tiền gửi, tiền cho vay tăng và phát sinh thêm doanh thu hoạt động tài chính khác. Dù vậy, chi phí cho hoạt động này cũng tăng 30% lên hơn 249 tỷ đồng, chủ yếu do khoản lãi vay tăng.

#### **IDC: lãi quý II đột biến hơn 1.400 tỷ đồng**

Tổng công ty Idico ([HNX: IDC](#)) công bố BCTC công ty mẹ với doanh thu 2.197 tỷ đồng, đột biến so với con số 93 tỷ cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 1.681 tỷ đồng, gấp nhiều lần mức 18 tỷ quý II/2021. Biên lợi nhuận gộp tăng mạnh từ 19% lên 76,5%. Doanh thu tài chính giảm mạnh từ 314 tỷ đồng về 91 tỷ đồng do không có nguồn thu từ chuyển nhượng cổ phần, chi phí tài chính giảm 70% về 9 tỷ đồng.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp không đáng kể. Tổng công ty báo cáo lợi nhuận sau thuế đạt 1.415 tỷ đồng, gấp 6,3 lần cùng kỳ năm trước. Lũy kế 6 tháng, doanh thu 2.889 tỷ đồng, gấp 15,5 lần; lãi sau thuế 1.627 tỷ đồng, gấp 6,4 lần nửa đầu năm 2021. Trong nửa đầu năm, Idico chỉ có nguồn thu từ hạ tầng khu công nghiệp trong khi mảng kinh doanh điện không phát sinh do nhà máy thủy điện Đak Mi 3 tạm ngưng vận hành đến 30/9. Khoản doanh thu chưa thực hiện dài hạn của công ty mẹ Idico giảm từ 3.774 tỷ đầu năm và 3.509 tỷ đồng cuối quý I về 2.061 tỷ đồng vào cuối quý II. Doanh nghiệp ghi nhận giảm doanh thu chưa thực hiện dài hạn tại dự án khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 từ 1.395 tỷ đồng về 0, dự án khu công nghiệp Phú Mỹ 2 từ 1.506 tỷ về 1.415 tỷ đồng, dự án khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng từ 822 tỷ đồng về 465 tỷ đồng. Ngược lại, khu công nghiệp Hứa Thành tăng doanh thu chưa thực hiện dài hạn từ 24 tỷ lên 154 tỷ đồng.

### **TAR: lãi 21 tỷ đồng quý II, tăng 34%**

Theo BCTC hợp nhất quý II, Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Trung An ([HNX: TAR](#)) ghi nhận doanh thu 765 tỷ đồng, giảm nhẹ 3% so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn giảm mạnh hơn 6,6% nên lợi nhuận gộp tăng 31% lên 89 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp tăng từ 8,63% lên 11,67%. Doanh thu tài chính không đáng kể, chi phí tài chính tăng 16% lên 22 tỷ đồng, chi phí bán hàng tăng 33% lên 40 tỷ đồng, chi phí quản lý tăng 52% nhưng giá trị tuyệt đối thấp 2,5 tỷ đồng. Sau khi trừ đi các chi phí, công ty gao báo lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ tăng 34% đạt 21,3 tỷ đồng. Lũy kế nửa đầu năm, doanh thu tăng 40% lên 1.723 tỷ đồng và lãi ròng gấp 2,5 lần lên 46 tỷ đồng. So với kế hoạch năm gồm doanh thu 3.500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 110 tỷ đồng, công ty thực hiện được lần lượt 49% và 46%. Tại thời điểm cuối quý II, Gạo Trung An có 2.743 tỷ đồng tổng tài sản, tăng thêm 743 tỷ đồng so với đầu năm. Riêng khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho chiếm 74% tổng tài sản. Khoản phải thu ngắn hạn ở mức 842 tỷ đồng, gấp 2,8 lần đầu năm và giảm 18% so với cuối quý I. Trong đó, phải thu ngắn hạn khách hàng gấp 3,3 lần lên 563 tỷ đồng và trả trước cho người bán ngắn hạn gấp 2,8 lần lên 262 tỷ đồng. Hàng tồn kho đạt 1.197 tỷ đồng, tăng 18% so với đầu năm và tăng 14% so với cuối quý I.

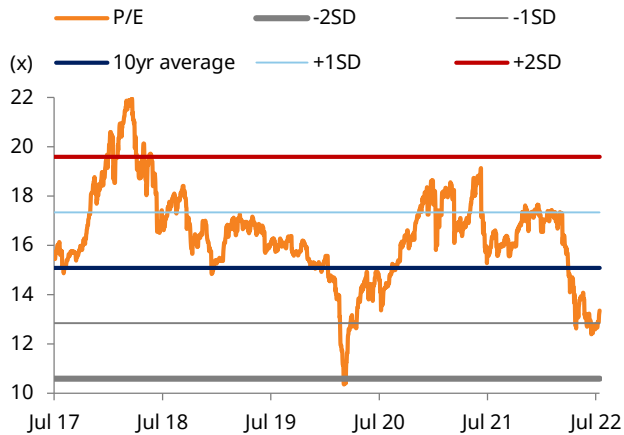
### **HTN: lãi 6 tháng 129 tỷ đồng, thực hiện 49% kế hoạch**

Hưng Thịnh Incons ([HoSE: HTN](#)) - công ty xây dựng dân dụng và công nghiệp thuộc Tập đoàn Hưng Thịnh - công bố quý II, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế cùng tăng 4%, đạt lần lượt 1.757 tỷ đồng và hơn 86 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp ở mức 10,8%, tăng 2,3 điểm % so với cùng kỳ năm trước. Biên lợi nhuận gộp của Hưng Thịnh Incons luôn giữ ở mức cao hơn các doanh nghiệp cùng ngành do đơn vị này chủ yếu thi công các công trình trong hệ sinh thái tập đoàn Hưng Thịnh. Lũy kế 6 tháng, công ty đạt doanh thu thuần 3.245 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 129 tỷ đồng, tăng lần lượt 14% và 8%. So với kế hoạch năm, công ty thực hiện 43% doanh thu và 49% lợi nhuận. Dòng tiền kinh doanh của Hưng Thịnh Incons quý này âm 1.187 tỷ đồng trong khi cùng kỳ âm 266 tỷ đồng. Lý do, công ty tăng các khoản phải thu 1.607 tỷ đồng. Tại ngày 30/6, Hưng Thịnh Incons có 3.681 tỷ đồng phải thu ngắn hạn của khách hàng và 2.424 tỷ đồng trả trước cho người bán ngắn hạn. Tổng 2 khoản này tăng 36% đầu năm, đạt 6.105 tỷ đồng và chiếm 69% tổng tài sản. Theo thuyết minh, các khoản phải thu và trả trước ngắn hạn này đều là giao dịch với các

công ty khác trong Tập đoàn Hưng Thịnh trong việc mua nguyên vật liệu, sử dụng dịch vụ xây dựng. Tại ngày 30/6, Hưng Thịnh Incons có 2.899 tỷ đồng vay nợ ngắn hạn, không có vay dài hạn. Tỷ lệ nợ vay/vốn chủ sở hữu là 1,76 lần.

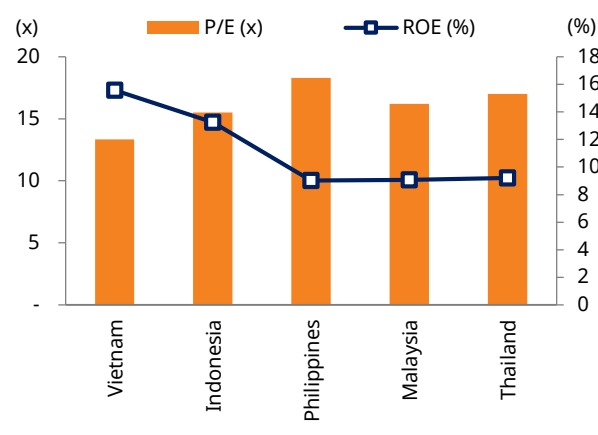
## Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

**Biểu đồ 2. VN Index: Định giá P/E lịch sử**



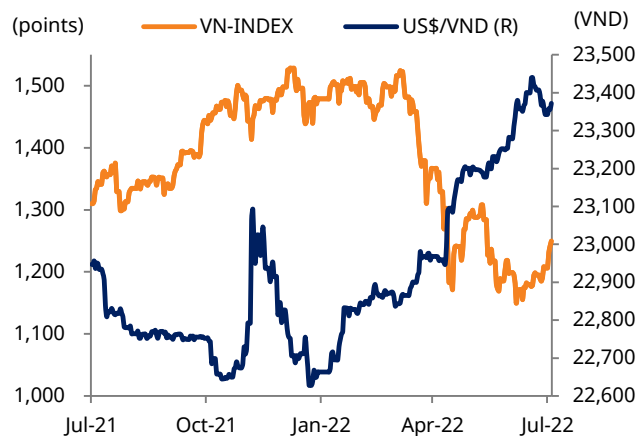
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. Định giá P/E và ROE các thị trường**



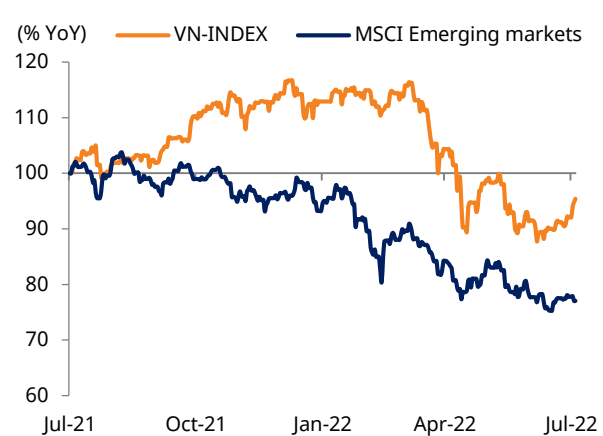
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. VN-Index và USD/VND**



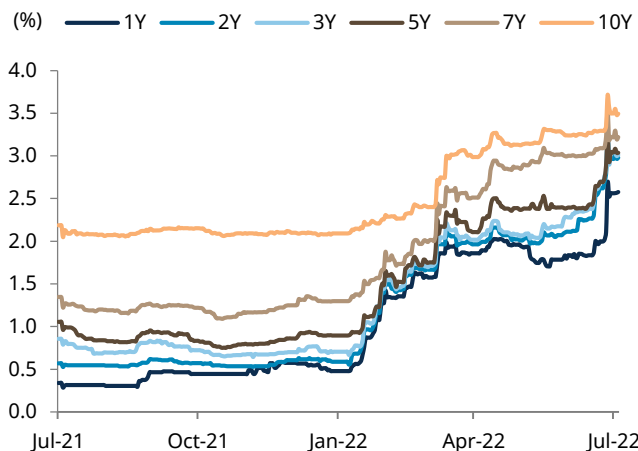
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. VN Index và MSCI Emerging Markets**



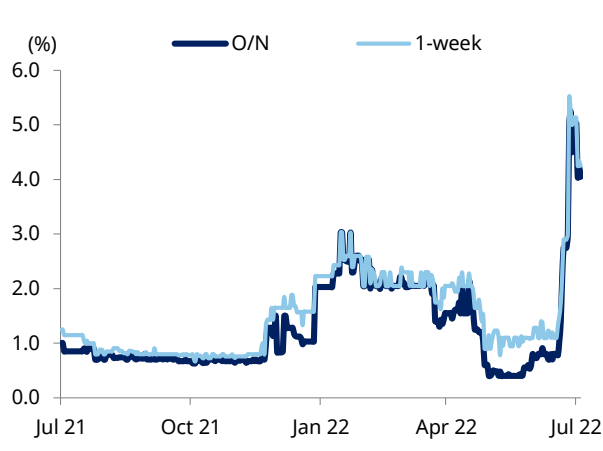
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>VN-Index</b>	<b>1,249.76</b>	<b>4,933,971</b>		<b>0.7</b>	<b>3.6</b>	<b>4.2</b>	<b>-6.2</b>	<b>14.4</b>	<b>11.9</b>	<b>2.2</b>	<b>2.0</b>	<b>35.3</b>	<b>21.2</b>	<b>15.5</b>	<b>19.2</b>
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30</b>	<b>1,269.83</b>	<b>3,440,230</b>		<b>0.3</b>	<b>3.1</b>	<b>1.4</b>	<b>-13.6</b>	<b>11.9</b>	<b>10.6</b>	<b>2.3</b>	<b>1.8</b>	<b>38.5</b>	<b>12.4</b>	<b>19.6</b>	<b>20.9</b>
Asia Commercial Bank	ACB VN	24,950	84,267	30.0	0.2	1.4	3.7	-12.9	8.9	6.8	1.9	1.5	24.6	31.0	23.5	24.9
BIDV	BID VN	39,300	198,800	16.9	2.1	5.4	12.1	14.0	22.7	14.9	2.4	2.1	50.3	52.4	11.0	15.5
Bao Viet Holdings	BVH VN	58,400	43,352	26.6	-0.8	1.0	10.0	10.8	22.9	18.2	2.0	1.9	21.8	25.3	9.2	9.0
VietinBank	CTG VN	29,100	139,847	26.6	1.7	7.0	8.0	-14.7	9.9	7.5	1.5	1.2	18.2	32.8	15.8	18.3
FPT Corp	FPT VN	84,800	93,028	49.0	-0.2	1.6	-3.6	6.2	23.4	17.5	5.1	4.5	21.5	33.6	23.4	26.8
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	112,000	214,362	2.9	3.5	4.2	-0.9	20.4	25.7	15.5	4.2	3.7	8.1	66.3	16.8	24.2
Vietnam Rubber Group	GVR VN	24,700	98,800	0.4	-0.4	3.3	9.3	-26.7	23.8	20.2	2.1	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
HDBank	HDB VN	24,850	50,003	17.1	0.0	2.9	1.4	-11.0	8.2	6.9	1.7	1.4	42.5	18.1	23.3	22.9
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	23,750	138,101	20.4	3.7	10.5	6.0	-34.7	4.3	4.8	1.5	1.2	151.5	-10.6	42.8	28.6
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	38,950	27,921	28.9	0.1	3.9	10.3	4.6	23.9	20.0	2.7	2.4	3.1	19.5	12.2	12.9
MBBank	MBB VN	26,900	101,637	23.2	0.7	4.9	11.2	-8.2	8.0	6.5	1.7	1.3	53.0	22.4	23.6	23.8
Masan Group Corp	MSN VN	110,000	156,610	28.8	0.0	3.7	0.5	-4.2	18.2	25.2	4.7	4.0	589.7	-28.1	35.1	17.4
Mobile World Investment Corp	MWG VN	61,800	90,457	49.0	-0.3	1.3	-12.1	9.1	17.9	14.6	4.3	3.5	18.2	22.6	27.3	25.7
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	76,200	148,577	5.8	0.7	2.3	2.4	-5.4	41.9	28.8	4.2	3.7	-18.7	45.4	10.6	15.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	53,800	36,135	2.5	0.0	2.3	2.7	-21.9	20.1	#N/A	5.1	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	40,900	51,967	17.6	-0.2	-0.5	0.7	-20.1	22.9	19.1	2.1	2.0	160.6	19.9	9.7	11.0
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	26,200	55,221	20.5	-1.5	-1.5	15.2	-15.0	8.7	6.8	2.3	1.6	39.0	28.7	29.9	28.1
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,700	32,084	2.2	-0.4	2.6	0.7	26.9	18.1	15.9	1.1	1.0	-24.2	13.7	6.2	6.5
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	189,900	121,779	62.7	1.1	5.5	23.4	22.3	34.5	27.5	5.7	5.2	-22.9	25.4	17.1	20.0
SSI Securities Corp	SSI VN	23,550	35,093	22.2	1.5	10.3	19.5	-32.9	9.7	8.9	1.7	1.4	100.3	8.5	21.0	19.3
Sacombank	STB VN	25,450	47,979	21.8	2.0	3.0	15.7	-14.6	15.6	14.5	1.4	1.3	30.6	7.4	9.5	11.6
Techcombank	TCB VN	38,150	133,941	22.5	-0.4	0.7	6.0	-26.4	7.4	6.2	1.5	1.2	46.1	19.3	21.7	20.8
Tien Phong Bank	TPB VN	28,000	44,289	30.0	1.3	5.3	2.6	9.4	8.7	12.1	1.7	1.4	28.5	-28.5	22.6	22.3
Vietcombank	VCB VN	79,500	376,235	23.5	0.8	6.4	7.4	2.7	19.0	14.2	3.5	2.7	19.7	33.6	19.6	21.3
Vinhomes JSC	VHM VN	61,900	269,535	23.2	-1.0	3.3	0.8	-27.4	6.9	8.6	2.2	1.8	40.9	-19.8	36.9	22.5
Vingroup JSC	VIC VN	66,000	251,720	12.2	-0.9	3.1	-9.1	-35.2	#N/A	268.3	2.4	2.4	-145.6	135.9	-2.8	8.4
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	127,000	68,785	16.8	-0.4	1.0	-2.4	9.5	913.7	45.4	4.1	#N/A	6.1	1,911.5	0.5	8.9
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	73,400	153,403	54.7	0.0	0.8	-0.4	-15.7	16.2	17.0	4.6	4.5	-5.3	-4.2	29.3	28.3
VPBank	VPB VN	29,000	128,919	17.6	-0.2	1.0	-0.3	-14.1	11.0	6.8	1.6	1.3	11.6	62.3	17.9	20.3
Vincom Retail JSC	VRE VN	29,050	66,011	31.8	0.2	3.8	1.4	2.7	50.3	29.7	2.2	2.0	-44.8	69.2	4.4	8.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

## **KHUYẾN CÁO**

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.